

QUYẾT ĐỊNH

công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 2 năm 2026

- Căn cứ Quyết định số 160-QĐ/VHLKHCNVN ngày 24/4/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Viện Hải dương học;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 được giao;
- Theo đề nghị của Phó Trưởng phòng, Phụ trách Phòng QLTH.

VIỆN TRƯỞNG VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách Quý 2 năm 2026 của Viện Hải dương học (biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phó Trưởng phòng, Phụ trách Phòng QLTH, Tài vụ và các đơn vị trực thuộc liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban KH-TC (Viện Hàn lâm KHCNVN);
- Trang Web Viện HDH;
- Lưu VT.

**K/T VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Hồ Văn Thệ

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN QUÝ 2 NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 317/QĐ-HDH ngày 01/7/2026 của Viện Hải dương học)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước Quý so dự toán
			Quý 2/2026	Lũy kế	(%)
A	B	1	2	3	4=3/1
	TỔNG CHI NSNN				
I	THU PHÍ, LỆ PHÍ				
1	Tổng thu	50.000,0	9.808,8	15.528,0	31,1
	Phí Bảo tàng	50.000,0	9.808,8	15.528,0	31,1
2	Thu phí được để lại đơn vị	47.500,0	9.318,4	14.751,6	31,1
	Phí Bảo tàng	47.500,0	9.318,4	14.751,6	31,1
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	2.500,0	490,4	776,4	31,1
	Nộp thuế	2.500,0	490,4	776,4	31,1
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	193.172,0	58.967,4	58.967,4	30,5
A	Chi thường xuyên	37.172,0	11.499,9	11.499,9	90,5
1	Chi quản lý hành chính	34.777,7	11.047,9	11.047,9	31,8
a	Kinh phí giao tự chủ				
	Quỹ lương				
	Chi thường xuyên theo định mức:				
	Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
	(chi tiết theo các khoản chi)				
b	Kinh phí không giao tự chủ	34.777,7	11.047,9	11.047,9	31,8
	Chi tiết theo các khoản chi				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ (KP năm trước chuyển sang là: 3.461,590 tr đồng)	15.247,0	2.196,2	2.196,2	14,4
	Quỹ tiền thưởng	1.298,7	189,3	189,3	14,6
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.232,0	8.662,4	8.662,4	47,5
2	Chi quốc phòng				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				

4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
6	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
7	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	1.950,2	247,5	247,5	12,7
8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao				
10	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
11	Chi các hoạt động kinh tế	444,2	204,5	204,5	46,0
12	Chi bảo đảm xã hội				
13	Chi thường xuyên khác...				
B	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	156.000,0	47.467,4	47.467,4	30,4
1	Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
2	Chi quốc phòng				
3	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
4	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
5	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	156.000,0	47.467,4	47.467,4	30,4
6	Chi y tế, dân số và gia đình				
7	Chi văn hóa thông tin				
8	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9	Chi thể dục, thể thao				
10	Chi bảo vệ môi trường				
11	Chi các hoạt động kinh tế				
12	Chi bảo đảm xã hội				
13	Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật				
C	CHI DỰ TRỮ QUỐC GIA				

1	<i>Chỉ mua hàng dự trữ quốc gia, hàng dự trữ chiến lược</i>				
2	<i>Chỉ nghiệp vụ dự trữ quốc gia</i>				
D	CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG, TÍNH GIẢM BIÊN CHẾ				
E	CHI CTMTQG				
1	Chương trình MTQG				
a	CTMTQG giảm nghèo bền vững				
	Dự án				
b	CTMTQG phát triển nông thôn mới				
	Nội dung....				
2	Chương trình mục tiêu quốc gia				

